

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-ST

Ngày: 18-9-2023

Về việc: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Bà Trần Thị Chiêm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quang V**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: **D ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.**

- Bị đơn: Ông **Võ Ngọc T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: **A H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.**

(Ông **V**, ông **T** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2022 của ông Nguyễn Quang V và các lời trình bày có trong hồ sơ có nội dung:

Ông và ông **Võ Ngọc T** quen nhau từ thời học chung lớp tại **trường Đại học K** (2007-2010). Sau khi ra trường, biết **T** làm trong ngành **công an tỉnh L**, thì đến đầu năm 2017, bạn bè lâu ngày gặp lại, ông có trình bày là có người em đang công tác nghĩa vụ trong ngành

công an, đang tìm hướng để xin chuyển sang sĩ quan công an. T có hứa sẽ giúp đỡ, chi phí bao nhiêu T sẽ báo lại.

Sau đó, T có gọi điện thoại báo cho ông tổng số tiền để giúp đỡ việc này là 320.000.000đ. Vì là bạn bè nên tôi đã đồng ý. Tiền được chuyển khoản thành 05 đợt như sau:

- Đợt 01: Ngày 02/4/2017 chuyển khoản là 150.000.000đ.
- Đợt 02: Ngày 18/5/2017 chuyển khoản là 20.000.000đ.
- Đợt 03: Ngày 29/6/2017 chuyển khoản là 100.000.000đ.
- Đợt 04: ngày 30/6/2017 chuyển khoản là 30.000.000đ.
- Đợt 05: Ngày 12/7/2017 chuyển khoản là 20.000.000đ.

Đợt 1 – 2 – 3 – 4 chuyển từ tài khoản cá nhân của ông sang tài khoản của T. Số tài khoản là 100001192811 mở tại ngân hàng Q - Chi nhánh L2. Riêng đợt 5 là T yêu cầu ông chuyển khoản cho người bạn của T là Lưu Hải Y tài khoản 120000002815 mở tại Ngân hàng Q - Chi nhánh L2.

Đến tháng 10/2017, ông được biết ông T đã bị đuổi khỏi ngành công an nên tháng 11/2017 ông có hỏi sự việc trên có giúp được không, nếu không thì đề nghị ông T trả tiền lại.

Từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, ông có nhiều lần gọi điện thoại và xuống nhà T gặp xin lấy lại tiền. Ông T hứa sẽ trả nhưng ông đợi hoài không thấy ông T trả tiền.

Đến năm 2020, ông có làm đơn tố cáo về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gửi đến cảnh sát điều tra công an thành phố T. Sau nhiều lần ông xuống gặp điều tra viên để cung cấp lời khai và hồ sơ. Lần cuối điều tra viên có cho ông và T gặp nhau để đối chứng. Lúc đó, T khai với cơ quan cảnh sát điều tra là T mượn ông số tiền trên và cam kết sẽ trả chứ không phải là hứa giúp em ông như đã nêu.

Đến tháng 05/2021, ông có nhận được điện thoại từ cơ quan cảnh sát điều tra xuống nhận kết quả điều tra theo thư tố cáo. Ông nhận được tờ thông báo kết luận không đủ cơ sở để khởi tố hình sự về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đến nay, ông T vẫn chưa trả cho ông số tiền 320.000.000đ. Việc ông T không trả cho ông số tiền trên đã gây cho ông và gia đình gặp nhiều khó khăn và thiệt hại, nhất là trong mùa đại dịch C vừa qua. Vì số tiền trên ông và gia đình phải đi vay mượn. Do vậy, nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Võ Ngọc T phải trả cho ông số tiền 320.000.000đ.
- Buộc ông Võ Ngọc T phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2023 theo lãi suất 07%/năm do ngân hàng N quy định với số tiền là 112.000.000đ.

Tổng cộng: 432.000.000đ.

Ngày 03/5/2023, ông V có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện có nội dung là ông chỉ yêu cầu ông T trả cho ông V số tiền ông V chuyển vào tài khoản của ông T là 300.000.000đ và

không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này. Đối với số tiền 20.000.000đ chuyển vào tài khoản **Lưu Hải Y** thì ông không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ngày 01/8/2023, ông **Nguyễn Quang V** có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

*Bị đơn, ông **Võ Ngọc T** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.*

Ông **Võ Ngọc T** đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông **T** không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của ông **T** đối với yêu cầu khởi kiện của ông **V**. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông **T** cũng vắng mặt dù đã được triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Quang V** là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **V** và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: ông **Nguyễn Quang V** khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông **Võ Ngọc T** có địa chỉ cư trú tại **thành phố T** nên căn cứ vào **Khoản 3 Điều 26**; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ông **Nguyễn Quang V** khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông **Võ Ngọc T** trả lại cho ông số tiền 300.000.000đ là tiền mà ông **V** nhờ ông **T** lo cho em trai vào ngành công an. Hội đồng xét xử xét thấy: ông **V** đã có đơn trình báo sự việc với cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** về hành vi của ông **T**. Ngày 12/4/2021, cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã có Quyết định số 18 không khởi tố vụ án hình sự. Vì vậy, ông **V** nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông **T** trả số tiền trên là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là ông **Nguyễn Quang V**, Bị đơn là ông **Võ Ngọc T**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông **T** đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông **T** không chấp hành. Riêng ông **Nguyễn Quang V** là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn Quang V thực hiện 04 lần chuyển tiền cho ông Võ Ngọc T thông qua ngân hàng có các nội dung: “CHUYEN TIEN LO DAU TRUNGCAP” hoặc “TT TIEN LOKHAMSUCKHOECA”...với tổng số tiền là 300.000.000đ với mục đích là nhờ ông T thực hiện một công việc. Ông T không thực hiện được công việc nên ông V khởi kiện yêu cầu ông T trả lại cho ông số tiền trên. Kèm theo lời trình bày của mình, ông V có cung cấp cho Tòa án 04 chứng từ chứng minh việc chuyển khoản của ông V. Căn cứ vào chứng cứ do ông V cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: trong các chứng từ ông V cung cấp cho Tòa án thể hiện việc ông chuyển khoản cho ông Võ Ngọc T thì trong đó có 04 chứng từ gồm có chứng từ ngày 02/4/2017 chuyển 150.000.000đ, ngày 18/5/2017 chuyển 20.000.000đ, ngày 29/6/2017 chuyển 100.000.000đ là thể hiện việc ông V thực hiện chuyển khoản cho ông T với nội dung yêu cầu giải quyết công việc. Ông T không thực hiện được công việc như đã thỏa thuận nên việc ông V đòi ông T trả lại cho ông V số tiền trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền 20.000.000đ được ông V chuyển khoản ngày 12/7/2017 cho số tài khoản Lưu Hải Y, do ông V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Quang V yêu cầu ông Võ Ngọc T có nghĩa vụ trả tiền, ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T trả cho ông V số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy đây chỉ là tranh chấp đòi tài sản, không phải là tranh chấp hợp đồng vay nên các bên không có thỏa thuận lãi suất vay tiền. Mặt khác, ông V là người khởi kiện cũng không yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Quang V phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000đ theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, ông V đã nộp xong.

[8] Về án phí: ông Võ Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Ông Nguyễn Quang V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 10.640.000đ do yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Quang V** về việc yêu cầu ông **Võ Ngọc T** trả cho ông số tiền 300.000.000đ.

Buộc ông **Võ Ngọc T** trả cho bà **Nguyễn Quang V** số tiền là 300.000.000đ.

2. Về chi phí tố tụng: ông **Nguyễn Quang V** phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000đ, ông **V** đã nộp xong.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông **Võ Ngọc T** phải chịu 15.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Nguyễn Quang V** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Nguyễn Quang V** được nhận lại số tiền 10.640.000đ theo biên lai thu số 0002262 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh

